

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn Chương trình Việc làm và Giảm nghèo bền vững
tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH₁₃ ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH₁₃ của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Bộ luật lao động về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xem xét thông qua nghị quyết về việc phê chuẩn Chương trình Việc làm và Giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2016 - 2020; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phê chuẩn Chương trình Việc làm và Giảm nghèo bền vững tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2016 - 2020, với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU:

Giải quyết việc làm cho người lao động, nhằm khai thác tiềm năng và phát huy thế mạnh nguồn lực lao động của tỉnh, đóng góp vào tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội; giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp; khắc phục sự lãng phí nguồn nhân lực lao động; tạo nguồn thu nhập ổn định, cho người lao động và gia đình,

phát triển cộng đồng - xã hội, góp phần giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động, chất lượng việc làm và giá trị lao động, phát triển thị trường lao động lành mạnh, ổn định, tạo ra nhiều việc làm; tăng cường đưa lao động trong tỉnh đi làm việc tại các khu công nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu lao động và khuyến khích các hình thức tạo việc làm tại chỗ.

II. CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU ĐẾN CUỐI NĂM 2020:

- Số lao động trong độ tuổi được giải quyết việc làm đạt 95%.
- Đào tạo nghề đạt 46,52% trên tổng số người trong độ tuổi lao động; số lao động qua đào tạo nghề được giải quyết việc làm đạt từ 70% trở lên.
- Xuất khẩu lao động sang các nước đạt ít nhất 1.500 lao động.
- Chuyển dịch cơ cấu lao động đến năm 2020 theo hướng: công nghiệp - xây dựng 9,7%, nông - lâm nghiệp và thủy sản 63,3% và dịch vụ 27%.
- Phân đầu đến năm 2020 giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị là 2,0% và nông thôn là 3,5%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 2% hộ nghèo/năm và giảm 4%/năm hộ nghèo dân tộc thiểu số (so với tổng số hộ dân tộc thiểu số); hạn chế hộ tái nghèo, hộ nghèo phát sinh.
- Thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo cả tỉnh tăng lên khoảng 1,5 lần so với cuối năm 2015; cơ bản các hộ nghèo có nhu cầu vốn và chí thú làm ăn được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Có từ 70% - 80% hộ nghèo trong đề án hỗ trợ hộ nghèo đã phê duyệt được hỗ trợ, tiếp cận các chính sách về nhà ở; cơ bản hộ nghèo được xây dựng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh.
- Có 100% người nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế và hỗ trợ 100% mệnh giá mua bảo hiểm y tế cho người cận nghèo.
- Phân đầu có từ 90% - 95% trở lên, hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin.
- Đẩy mạnh tập huấn nâng cao năng lực cho 5.000 lượt cán bộ các cấp tham gia công tác giảm nghèo ở các địa phương, trong đó có 95% là cán bộ cơ sở.
- Đảm bảo 100% đối tượng Bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội hàng tháng theo quy định của Chính phủ.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Về Chương trình việc làm:

Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lao động, việc làm cho cán bộ, công chức, doanh nghiệp,

người sử dụng lao động và người lao động; nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, nhất là cấp xã trong việc phối hợp với doanh nghiệp giới thiệu việc làm, tuyển lao động đi xuất khẩu lao động; phối hợp giáo dục, quản lý lao động để khắc phục tình trạng lao động bỏ trốn, vi phạm pháp luật của nước sở tại. Chủ động liên kết với doanh nghiệp có chức năng đào tạo nghề công nghệ cao để đáp ứng nhu cầu đi xuất khẩu lao động.

Tập trung đào tạo nghề cho lao động, nhất là lao động nông thôn; quan tâm hỗ trợ kinh phí cho công tác đào tạo nghề cho lao động; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp; hỗ trợ cho người lao động có nhu cầu học nghề; đào tạo những ngành nghề trọng điểm, ngành nghề phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm hiện có; tổ chức xây dựng các điểm giao dịch việc làm trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; đẩy mạnh công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, cung cấp thông tin về thị trường lao động cho người lao động, người sử dụng lao động; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tìm kiếm được việc làm; hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động nắm được thông tin, lựa chọn lao động, việc làm phù hợp; phấn đấu đạt chỉ tiêu lao động đi làm việc trong nước và ngoài nước.

2. Về Chương trình giảm nghèo bền vững:

2.1. Bằng nhiều hình thức đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo. Đặc biệt, giáo dục nâng cao ý thức tự giác của người nghèo trong việc tham gia học tập văn hóa, nghề nghiệp và khả năng tiếp cận khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, tìm việc làm ổn định, nâng cao thu nhập và ý thức tự vươn lên thoát nghèo bền vững; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn làm ăn cho hộ nghèo; không để người dân có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

2.2. Lồng ghép các chính sách, dự án để thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo bền vững; phải ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ phương tiện sản xuất, giống, vốn, tạo điều kiện cho hộ nghèo sản xuất tăng thu nhập. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, phù hợp trên địa bàn, tạo sinh kế cho người nghèo có việc làm tăng thu nhập vươn lên thoát nghèo.

Đảm bảo thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo như: miễn, giảm học phí, học nghề theo quy định; động viên và tạo điều kiện cho con em hộ nghèo, hộ cận nghèo được đến trường dưới các hình thức như: quỹ khuyến học, cấp học bổng, dụng cụ học tập với mục tiêu giảm tối đa tình trạng học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo bỏ học, thất học.

2.3. Hàng năm, có kế hoạch cụ thể thực hiện đạt các tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo đa chiều, nhất là các tiêu chí còn thấp như: nhà ở, hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh, trình độ giáo dục cho người lớn,...

Triển khai thực hiện tốt các chương trình tín dụng, chính sách ưu đãi và hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận đầy đủ các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, nước sạch và tiếp cận thông tin.

Địa phương rà soát nhu cầu về nhà ở, nước sinh hoạt, hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh để có kế hoạch vận động, hỗ trợ xây mới và sửa chữa kịp thời nhằm cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương thức tiếp cận đa chiều. Ngân hàng Chính sách Xã hội, chi nhánh tỉnh Bạc Liêu tranh thủ nguồn vốn của Trung ương để thực hiện theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các nguồn vốn vay khác theo quy định.

Rà soát và có kế hoạch cụ thể thực hiện việc phổ cập trình độ Trung học cơ sở cho người lớn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và phấn đấu đạt tiêu chí về trình độ giáo dục của người lớn.

Củng cố tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy phục vụ cho công tác giảm nghèo từ tỉnh đến cơ sở; quan tâm công tác đào tạo tập huấn cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; phát huy sức mạnh cả hệ thống chính trị, nâng cao vai trò của các cấp, các ngành trong công tác giảm nghèo. Tập trung mọi nguồn lực phấn đấu hàng năm giảm 2% hộ nghèo.

Tăng cường vận động Quỹ Vì người nghèo - An sinh xã hội để có thêm nguồn lực hỗ trợ cho người nghèo; quy hoạch xây dựng mạng lưới an sinh xã hội rộng khắp nhằm hỗ trợ kịp thời người nghèo, yếu thế, không để họ ở lại phía sau. Tiếp tục rà soát và có biện pháp hỗ trợ chính sách nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo; triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo quy định của Chính phủ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Chương trình Việc làm:

Tổng kinh phí trong 05 năm là **906 tỷ 473 triệu đồng** (*chín trăm lẻ sáu tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng*). Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 02 tỷ 799 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 17 tỷ 478 triệu đồng (*ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh là 15 tỷ đồng*).
- Vốn vay Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh: 825 tỷ đồng.
- Vốn vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh: 50 tỷ đồng.
- Hỗ trợ từ doanh nghiệp: 11 tỷ 196 triệu đồng.

2. Chương trình giảm nghèo bền vững:

Tổng kinh phí trong 05 năm là **3.222 tỷ 130 triệu đồng** (*ba nghìn hai trăm hai mươi hai tỷ, một trăm ba mươi triệu đồng*). Trong đó:

- Ngân sách Trung ương là 1.185 tỷ 630 triệu đồng.
- Vốn vay của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh là 1.351 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách địa phương (tỉnh) cân đối là 85,5 tỷ đồng (trong đó, ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh là 25 tỷ đồng).
- Vốn huy động đóng góp Quỹ “Vì người nghèo - An sinh xã hội” các cấp dự kiến là 600 tỷ đồng; bình quân mỗi năm 120 tỷ.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa IX, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ LĐ - TB và XH (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Ngân hàng NNVN (báo cáo);
- Ngân hàng CSXHVN (báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: LĐ - TB và XH; Tài chính; Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học (đăng Công báo);
- Lưu (NH).

CHỦ TỊCH *Như*



Lê Thị Ái Nam